TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 21-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Lệ Pha

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tăng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 16/6/1995; tại: huyện D, tỉnh B. Nơi cư trú: Ấp 1, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị C; anh, chị, em ruột: 05 người (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo); tiền án: 01 lần, ngày 31 tháng 5 năm 2022 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử phạt 03 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19 tháng 11 năm 2022; tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại. (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1962. Là cha mẹ ruột của bị cáo. Cùng địa chỉ: Ấp I, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B. (ông N vắng mặt, bà C có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Ông Lữ Minh T là Luật sư của văn phòng Luật sư Bích Thuận thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 04/11/2023, Nguyễn

Văn C đi bộ từ nhà đến cống Rạch Dược thuộc ấp 1, thị trấn GH thì thấy 01 thùng xe dùng để thu mua phế liệu, loại xe ba bánh của bà Nguyễn Thị T để ngoài vỉa hè không có người trông coi nên C lén lút kéo thùng xe về hướng bến phà GH để tìm nơi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thì bị lực lượng Công an thị trấn GH trên đường đi tuần tra phát hiện và mời C về cơ quan làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 56/HĐ ngày 29/11/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận: 01 thùng xe kéo (xe dùng để thu mua phế liệu), loại xe ba bánh, khung được làm bằng kim loại, đáy thùng được làm bằng gỗ, thùng có kích thước 1,48m x 0,71m x 0,59m có giá trị 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 186/2024/KLGĐ, ngày 18/6/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn Văn C như sau: Về y học: trước, trong, sau khi xảy ra vụ án và hiện tại: đương sự có bệnh lý tâm thần: trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng chất kích thích (F15.7 – ICD10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: tại thời điểm xảy ra vụ án và hiện tại: đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, rối loạn tâm thần mức độ nặng.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trưng cầu (sau thời gian bắt buộc chữa bệnh) số: 517/2024/KLGĐ, ngày 27/11/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn Văn C như sau: Bị bệnh: trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng chất kích thích (F15.7 – ICD10); Hiện nay bệnh đã ổn định, không cần thiết áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C và đề nghị áp dụng thêm điểm h, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý. Về xử lý vật chứng, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện D, tỉnh B đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Bản luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B. Bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi nói lời nói sau cùng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C trình bày: Về tội danh, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ nên không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên, xét hoàn C gia đình của bị cáo Nguyễn Văn C hiện tại rất khó khăn; vào thời điểm xảy ra vụ án bị cáo bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng; bị hại cũng đã yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra Công an huyện D, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại không có khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn Nghĩa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Nghĩa và bà T không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nghĩa, bà T theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 04/11/2023, trên địa bàn ấp 1, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B, bị cáo C đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là 01 thùng xe kéo thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T có giá trị theo định giá là 800.000 đồng. Tài sản bị cáo C lấy trộm tuy chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự (2.000.000 đồng) nhưng do ngày 31/5/2022, bị cáo C đã bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử phạt 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2022, đến ngày 04/11/2023 chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Vì vậy cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung là "đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mặc dù vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có bệnh lý tâm thần: trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng chất kích thích (F15.7 – ICD10), tuy nhiên bị cáo phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do sử dụng chất kích thích vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Sau thời gian bắt buộc chữa bệnh, tại Bản kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 517/2024/KLGĐ, ngày 27/11/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn Văn C như sau: Bị bệnh: trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng chất kích thích (F15.7 – ICD10). Hiện nay bệnh đã ổn định, không cần thiết áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu sài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, được pháp luật bảo vệ; gây tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương và an toàn xã hội. Bị cáo C đã bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử phạt 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2022, chưa được xóa án tích nhưng sau khi ra tù bị cáo không lấy đó làm bài học răn đe bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém, khả năng tự cải tạo thấp. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo C với đời sống xã hội một thời gian nhằm để đảm bảo việc cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo C chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đã có một tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích mà còn vi phạm với lỗi cố ý. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà ngoại của bị cáo là bà mẹ Việt Nam anh Hùng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan C sát điều tra Công an huyện D đã giao trả cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T 01 thùng xe kéo (xe dùng để thu mua phế liệu), loại xe ba bánh, khung được làm bằng kim loại, đáy thùng được làm bằng gỗ, thùng có kích thước 1,48m x 0,71m x 0,59m; xét việc giao trả tài liệu, đồ vật nêu trên là có căn cứ nên không đặt ra xử lý.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Các ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tại phiên tòa, ý kiến của người bào chữa như đã phân tích, có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại đại diện hợp pháp của bị cáo bà Phan Thị Cúc có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo ông Nguyễn Văn N, bị hại bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- CQ CSĐT-CA huyện D;
- Cơ quan THAHS huyện D;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa, bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Nhiều